

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

NÔNG VĂN NGOAN

**HIỆN TƯỢNG SONG NGỮ
TRONG VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

HÀ NỘI - 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

NÔNG VĂN NGOAN

**HIỆN TƯỢNG SONG NGỮ
TRONG VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam
Mã số: 9220121

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

Người hướng dẫn khoa học:

1. GS.TS LÃ NHÂM THÌN
2. TS. NGUYỄN MINH HOẠT

HÀ NỘI - 2019

LỜI CAM ĐOAN

Tác giả luận án xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng mình. Các dẫn liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong công trình nào khác. Tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn về công trình nghiên cứu của mình.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Nông Văn Ngoan

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất đến hai thầy giáo là GS.TS. Lã Nhâm Thìn và TS. Nguyễn Minh Hoạt đã luôn tận tình hướng dẫn, giúp đỡ, chỉ bảo rất nhiều để tôi hoàn thành luận án này.

Tôi cũng xin cảm ơn những nhận xét, góp ý của các nhà khoa học, của các thầy cô trong Bộ môn Văn học trung đại Việt Nam, Khoa Ngữ văn, Phòng Sau Đại học, Ban Giám hiệu Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tôi học tập và thực hiện luận án.

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới gia đình, bạn bè cũng như các thầy cô, đồng nghiệp, Lãnh đạo Bộ môn Văn học, Bộ môn Ngôn ngữ, Khoa Sư phạm và Trường Đại học Tây Nguyên nơi tôi đang công tác vì đã luôn động viên và ủng hộ để tôi hoàn thành công trình này.

Hà Nội, ngày..... tháng năm 2019

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Nông Văn Ngoan

MỤC LỤC

Lời cam đoan.....	i
Lời cảm ơn	ii
Danh mục bảng, sơ đồ.....	vi
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA ĐỀ TÀI	6
1.1. GIỚI THUYẾT KHÁI NIỆM HIỆN TƯỢNG SONG NGỮ	6
1.1.1. Khái niệm song ngữ.....	6
1.1.2. Hiện tượng song ngữ trong văn học	7
1.2. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN TỚI ĐỀ TÀI	8
1.2.1. Nghiên cứu đặc điểm văn học trung đại Việt Nam đề cập tới hiện tượng song ngữ	8
1.2.2. Nghiên cứu thi pháp văn học trung đại Việt Nam đề cập tới hiện tượng song ngữ	14
1.2.3. Nghiên cứu các tác giả sáng tác bằng song ngữ.....	16
1.2.4. Nghiên cứu so sánh hiện tượng song ngữ trong văn học trung đại Việt Nam với văn học các nước khu vực văn hóa chữ Hán thời trung đại	20
1.3. CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA ĐỀ TÀI	23
1.3.1. Lí thuyết liên ngành ngôn ngữ và văn học	23
1.3.2. Lí thuyết liên ngành văn hoá và văn học.....	24
1.3.3. Lí thuyết so sánh văn học	26
1.3.4. Lý thuyết loại hình học.....	26
TIỂU KẾT	28
Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HIỆN TƯỢNG SONG NGỮ TRONG VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM	29
2.1. CƠ SỞ LỊCH SỬ - XÃ HỘI, TƯ TƯỞNG - VĂN HOÁ - VĂN HỌC CỦA HIỆN TƯỢNG SONG NGỮ	29
2.1.1. Tiền đề lịch sử - xã hội	29
2.1.2. Tiền đề văn hóa, tư tưởng.....	32
2.1.3. Tiền đề văn học	35
2.2. ĐẶC ĐIỂM HIỆN TƯỢNG SONG NGỮ TRONG VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM	38

2.2.1. Tính chất đa thành phần của hiện tượng song ngữ.....	38
2.2.2. Tính chất bất bình đẳng của hiện tượng song ngữ	41
2.3. CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA HIỆN TƯỢNG SONG NGỮ	
TRONG VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM	42
2.3.1. Giai đoạn văn học từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIV	42
2.3.2. Giai đoạn văn học từ thế kỉ XV đến hết thế kỉ XVII	43
2.3.3. Giai đoạn văn học từ thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX.....	44
2.4. HIỆN TƯỢNG SONG NGỮ CỦA VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT	
NAM TRONG BỐI CẢNH VĂN HỌC KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ.....	47
2.4.1. Hiện tượng song ngữ trong văn học Nhật Bản.....	47
2.4.2. Hiện tượng song ngữ trong văn học Triều Tiên/Hàn Quốc.....	48
2.4.3. Đặc điểm chung và riêng của hiện tượng song ngữ trong văn học	
trung đại các nước khu vực văn hóa chữ Hán	51
TIỂU KẾT	53
Chương 3: LOẠI HÌNH TÁC GIẢ SONG NGỮ TRONG VĂN HỌC	
TRUNG ĐẠI VIỆT NAM.....	55
3.1. GIỚI THUYẾT CHUNG VỀ TÁC GIẢ VÀ LOẠI HÌNH TÁC GIẢ VĂN HỌC.....	55
3.1.1. Khái niệm loại hình và loại hình tác giả văn học	55
3.1.2. Các kiểu loại tác giả trong văn học trung đại Việt Nam.....	55
3.2. NGHIÊN CỨU MỘT SỐ TÁC GIẢ SONG NGỮ TIÊU BIỂU TRONG VĂN	
HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM	57
3.2.1. Nguyễn Trãi.....	57
3.2.2. Nguyễn Bình Khiêm.....	65
3.2.3. Nguyễn Du.....	70
3.2.4. Cao Bá Quát	74
3.2.5. Nguyễn Khuyến.....	79
3.3. ĐẶC ĐIỂM CỦA LOẠI HÌNH TÁC GIẢ SONG NGỮ	84
3.4. SỰ ĐA DẠNG VÀ THỐNG NHẤT TRONG NHẬN THỨC VỀ TÌNH	
TRẠNG SONG NGỮ CỦA KIỂU TÁC GIẢ SONG NGỮ TRONG VĂN HỌC	
TRUNG ĐẠI VIỆT NAM.....	87
3.4.1. Sự đa dạng trong nhận thức về tình trạng song ngữ của kiểu tác	
giả song ngữ trong văn học trung đại Việt Nam	87
3.4.2. Sự thống nhất trong nhận thức về tình trạng song ngữ của kiểu tác	
giả song ngữ trong văn học trung đại Việt Nam	96
TIỂU KẾT	99

Chương 4: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ THỂ LOẠI VÀ NGÔN NGỮ DƯỚI GÓC NHÌN CỦA HIỆN TƯỢNG SONG NGỮ TRONG VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM.....	100
4.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ THỂ LOẠI DƯỚI GÓC NHÌN TỪ HIỆN TƯỢNG SONG NGỮ.....	100
4.1.1. Sự phát triển thể loại nhìn từ hiện tượng song ngữ.....	100
4.1.2. Hiện tượng song ngữ ở các thể loại văn học tiếp thu từ văn học Trung Quốc.....	103
4.1.3. Hiện tượng song ngữ ở các thể loại văn học dân tộc hóa.....	111
4.1.4. Hiện tượng song ngữ ở các thể loại văn học nội sinh.....	114
4.2. HIỆN TƯỢNG SONG NGỮ VỚI NGÔN NGỮ TRONG VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM.....	121
4.2.1. Quá trình phát triển của hiện tượng song ngữ trong văn học trung đại Việt Nam từ phương diện ngôn ngữ.....	121
4.2.2. Vấn đề xử lí các yếu tố ngoại nhập và nội sinh trên phương diện ngôn ngữ ở hiện tượng song ngữ.....	124
TIỂU KẾT.....	146
KẾT LUẬN.....	147
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	151
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	152
PHỤ LỤC.....	1PL

DANH MỤC BẢNG, SƠ ĐỒ

Bảng 3.1.a.	Hiện tượng song ngữ trong sáng tác của Nguyễn Trãi.....	60
Bảng 3.1.b.	Vị trí câu lục ngôn trong số 125 bài thơ Nôm bát cú có xen câu lục ngôn của Nguyễn Trãi.....	62
Bảng 3.1.c.	Số lượng câu lục ngôn trong bài bát cú của Nguyễn Trãi	62
Bảng 3.2a.	Hiện tượng song ngữ trong sáng tác của Nguyễn Bình Khiêm.....	67
Bảng 3.2b.	Ảnh hưởng của thi liệu Hán học đối với thơ Nôm Nguyễn Bình Khiêm	69
Bảng 3.3.	Hiện tượng song ngữ trong sáng tác của Nguyễn Du.....	73
Bảng 3.4.	Hiện tượng song ngữ trong sáng tác của Cao Bá Quát	77
Bảng 3.5.a.	Hiện tượng song ngữ trong sáng tác của Nguyễn Khuyến.....	81
Bảng 3.5.b.	Yếu tố Hán và Nôm trong chùm thơ thu của Nguyễn Khuyến.....	82
Bảng 4.1.	Hiện tượng song ngữ ở các thể loại văn học chức năng.....	104
Bảng 4.2.	Kết quả khảo sát và thống kê số lượng tác phẩm viết bằng chữ Hán và chữ Nôm ở các thể loại văn xuôi tự sự và trữ tình ...	106
Bảng 4.3.	Hiện tượng song ngữ ở các thể loại văn học nội sinh	116
Bảng 4.4.	Khảo sát câu chữ Hán ở thể loại hát nói của Cao Bá Quát.....	120
Sơ đồ 4.1.	Sự phát triển của thể loại văn học trung đại Việt Nam nhìn từ hiện tượng song ngữ.....	102
Sơ đồ 4.2.	Sự phát triển của ngôn ngữ văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn hiện tượng song ngữ.....	122

DANH SÁCH PHỤ LỤC

STT	TÊN PHỤ LỤC	TRANG
1	Phụ lục 1: Khảo sát đặc điểm loại hình tác giả song ngữ trong văn học trung đại Việt Nam	1PL
2	Phụ lục 2: Hiện tượng song ngữ ở các thể loại hịch và văn tế	4PL
3	Phụ lục 3: Bảng thống kê tác phẩm ở các thể loại cáo, chiếu, biểu	6PL
4	Phụ lục 4: Hiện tượng song ngữ ở thể loại thơ kệ	8PL
5	Phụ lục 5: Bảng thống kê tác phẩm ở thể loại tiểu thuyết chương hồi	9PL
6	Phụ lục 6: Bảng thống kê tác phẩm ở thể loại truyện truyền kỳ	10PL
7	Phụ lục 7: Bảng thống kê tác phẩm ở thể loại ký sự, tùy bút	11PL
8	Phụ lục 8: Hiện tượng song ngữ ở thể loại phú	12PL
9	Phụ lục 9: Hiện tượng song ngữ ở thể loại truyện thơ	14PL
10	Phụ lục 10: Hiện tượng song ngữ ở thể loại ngâm khúc	15PL
11	Phụ lục 11: Bảng thống kê tác phẩm ở thể loại hát nói	16PL
12	Phụ lục 12: Bảng thống kê thành ngữ, tục ngữ và ca dao trong <i>Quốc âm thi tập</i> của Nguyễn Trãi	17PL
13	Phụ lục 13: Bảng thống kê thi liệu Hán học trong <i>Truyện Kiều</i> của Nguyễn Du	21PL
14	Phụ lục 14: Bảng thống kê ảnh hưởng qua lại giữa cao dao và <i>Truyện Kiều</i> của Nguyễn Du	24PL

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Hiện tượng song ngữ là hiện tượng khá phổ biến trong văn học trung đại của nhiều nước, phương Đông cũng như phương Tây. Ở phương Đông, các nước như Triều Tiên/ Hàn Quốc, Nhật Bản cùng với việc sử dụng ngôn ngữ bản địa là việc sử dụng tiếng Hán trong sáng tác văn chương. Ở các nước phương Tây như Anh, Pháp, Ý, Đức trong văn học trung đại có hiện tượng sử dụng tiếng Latinh song hành với ngôn ngữ bản địa. Hiện tượng song ngữ cũng đã làm nên đặc điểm riêng của văn học trung đại Việt Nam - thành phần văn học viết gồm hai thành phần văn học chữ Hán và văn học chữ Nôm.

1.2. Nghiên cứu hiện tượng song ngữ là nghiên cứu một trong những đặc điểm lớn của văn học trung đại Việt Nam. Từ hiện tượng song ngữ có thể hiểu sâu hơn bản chất, quy luật phát triển của văn học Việt Nam thời trung đại từ quan điểm văn học, quan điểm thẩm mỹ đến ngôn ngữ nghệ thuật, bút pháp nghệ thuật...

1.3. Nhiều tác giả văn học trung đại Việt Nam, trong đó có nhiều tên tuổi lớn sáng tác bằng cả chữ Hán và chữ Nôm như: Trần Nhân Tông, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du, Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến... Qua hiện tượng song ngữ có thể hiểu sâu sắc hơn về các tác giả, tác phẩm cùng vị trí và đóng góp của họ đối với nền văn học nước nhà.

1.4. Hiện tượng song ngữ trong văn học trung đại Việt Nam vừa là một hiện tượng mang tính đặc thù của văn học dân tộc thời trung đại, vừa mang tính phổ quát, tính quốc tế. Trong bối cảnh văn học các nước khu vực như Triều Tiên/ Hàn Quốc và Nhật Bản – là các nước chịu ảnh hưởng của văn hóa chữ Hán trong thời trung đại hay trong lịch sử văn học các nước phương Tây từ sau đế quốc Tây La Mã sụp đổ đến trước thời kỳ Phục hưng cũng tồn tại hiện tượng song ngữ trong văn học. Vì vậy, đề tài luận án góp thêm một cách nhìn về văn học trung đại Việt Nam trong cộng đồng văn học khu vực và quốc tế.

1.5. Đề tài có ý nghĩa thiết thực đối với việc nghiên cứu và giảng dạy văn học trung đại Việt Nam nói chung như đặc điểm, đặc trưng của văn học, các vấn đề về thể loại, ngôn ngữ của văn học trung đại Việt Nam cũng như về các tác gia lớn sáng tác bằng song ngữ ở trường phổ thông, cao đẳng và đại học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án “**Hiện tượng song ngữ trong văn học trung đại Việt Nam**” đi theo một trong những hướng nghiên cứu phổ biến hiện nay, hướng nghiên cứu liên ngành. Luận án được thực hiện với mục đích là nghiên cứu về hiện tượng song ngữ trong văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX. Mặt khác, thông qua hiện tượng song ngữ trong văn học trung đại Việt Nam làm phong phú thêm những hiểu biết nhất định về mối quan hệ giữa hiện tượng song ngữ với lực lượng sáng tác, thể loại cũng như ngôn ngữ trong văn học trung đại Việt Nam và hiện tượng song ngữ ở một số nước khu vực.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, luận án đặt ra những nhiệm vụ sau:

- Giới thuyết khái niệm *song ngữ* và *hiện tượng song ngữ* trong văn học, làm rõ nội hàm của các khái niệm, thuật ngữ này và xem đó là công cụ then chốt trong quá trình khảo sát và nghiên cứu;

- Vận dụng các khái niệm, thuật ngữ *song ngữ*, *song thể ngữ* và *hiện tượng song ngữ* vào nghiên cứu quá trình phát triển của lịch sử văn học trung đại Việt Nam, những đặc điểm, đặc trưng của văn học liên quan tới hiện tượng song ngữ;

- Nghiên cứu cơ sở lịch sử, xã hội, văn hóa tư tưởng, văn học hình thành nên hiện tượng song ngữ;

- Nghiên cứu những đặc điểm, bản chất, quy luật diễn tiến của hiện tượng song ngữ trong lịch sử văn học dân tộc, so sánh với hiện tượng song ngữ trong văn học trung đại của một số nước như Triều Tiên/Hàn Quốc, Nhật Bản;

- Đặc biệt, chú trọng nghiên cứu các vấn đề liên quan giữa hiện tượng song ngữ với tác giả (nhất là tác giả tiêu biểu sáng tác bằng song ngữ), thể loại và ngôn ngữ văn học trong văn học Việt Nam thời trung đại.

3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng khảo sát của luận án là lịch sử hình thành và phát triển của thành phần văn học chữ Hán và thành phần văn học chữ Nôm trong văn học trung đại Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX.

Đối tượng nghiên cứu cụ thể hơn của đề tài luận án là:

- Tác giả của hiện tượng song ngữ;

- Tác phẩm, thể loại của hiện tượng song ngữ;
- Ngôn ngữ của hiện tượng song ngữ.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

3.2.1. Phạm vi tư liệu

Chúng tôi chủ yếu sử dụng các tác phẩm chữ Hán đã được dịch, những tác phẩm chữ Nôm đã được phiên âm của các tác giả viết bằng song ngữ tiêu biểu trong văn học Việt Nam như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du, Cao Bá Quát và Nguyễn Khuyên. Ngoài ra, nhiều sáng tác ở các thể loại cả văn học chức năng và văn học nghệ thuật cũng được khảo sát và nghiên cứu để làm rõ thêm bản chất của hiện tượng song ngữ.

3.2.2. Phạm vi khoa học

Phạm vi khoa học của đề tài luận án bao gồm: Cơ sở lí thuyết của hiện tượng song ngữ; đặc điểm, bản chất; diễn tiến của hiện tượng song ngữ trong văn học trung đại Việt Nam. Hiện tượng song ngữ trong văn học trung đại Việt Nam trong bối cảnh văn học khu vực; các tác giả tiêu biểu sáng tác bằng song ngữ; hiện tượng song ngữ với thể loại và ngôn ngữ văn học.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng những phương pháp nghiên cứu chủ yếu:

4.1. Phương pháp nghiên cứu văn học sử

Phương pháp nghiên cứu văn học sử định hướng tiếp cận vấn đề nghiên cứu của luận án là lịch sử văn học trung đại Việt Nam. Hiện tượng song ngữ trong văn học trung đại Việt Nam là một hiện tượng lịch sử - xã hội. Nó xuất phát từ nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là nguyên nhân lịch sử: sự đô hộ của các triều đại phong kiến Trung Quốc, quy luật tất yếu của “nền văn học” trẻ chịu ảnh hưởng từ nền “văn học già”; ý thức dân tộc trong lĩnh vực văn hóa, văn học; nhu cầu phát triển văn hóa và xây dựng bộ máy nhà nước phong kiến. Phương pháp lịch sử được sử dụng để phân tích các yếu tố lịch sử và sự ảnh hưởng của nó đến việc hình thành, vận động và phát triển của hiện tượng song ngữ trong văn học trung đại Việt Nam theo thời gian lịch sử.

4.2. Phương pháp nghiên cứu liên ngành (Văn học – ngôn ngữ - văn hóa – xã hội học)

Ngày nay, giới nghiên cứu văn học thấy rõ rằng: nghiên cứu văn học không thể tách rời mối quan hệ với văn hóa. Hơn nữa, bối cảnh văn hóa của văn học trung đại có sự khác biệt nhất định so với văn hóa thời hiện đại.

Nghiên cứu văn học cũng không thể tách khỏi ngôn ngữ - yếu tố chất liệu của các tác phẩm văn học. Chẳng hạn, khi nhắc đến “song ngữ”, người ta thường nghĩ ngay đến một hiện tượng *xã hội học, ngôn ngữ học*. “Song ngữ” trong văn học có mối quan hệ mật thiết với song ngữ xã hội, và trong các sáng tác văn học song ngữ cũng thể hiện rõ các yếu tố ngôn ngữ học về ngữ âm, từ vựng. Cần có sự hiểu biết về song ngữ xã hội, ngôn ngữ học nếu muốn hiểu sâu hơn về song ngữ trong văn học.

4.3. Phương pháp nghiên cứu so sánh văn học

Đây là phương pháp không thể thiếu khi thực hiện đề tài luận án. Khi nói đến so sánh văn học, chúng ta không nên chỉ hiểu đó là so sánh các hiện tượng trong một nền văn học, mà còn là so sánh một nền văn học này với một hay nhiều nền văn học khác, hoặc so sánh các hiện tượng của các nền văn học khác với nhau. Hiện tượng song ngữ trong văn học trung đại là việc sử dụng hai ngôn ngữ Hán và Việt trong sáng tác. Bằng phương pháp so sánh, chúng ta có thể thấy những đặc điểm riêng biệt của từng thành phần văn học Hán và Nôm, trên cơ sở đó tìm ra những sự ảnh hưởng, giao thoa hai ngôn ngữ trong sáng tác của các tác giả như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du, Nguyễn Khuyến...

4.4. Phương pháp nghiên cứu thi pháp học

Trong nghiên cứu văn học trung đại Việt Nam hiện nay đã có khá nhiều công trình văn học sử, cũng đã có một số công trình đi sâu vào một số thể loại, tác giả được tiếp cận dưới góc độ của thi pháp học như đặc trưng của văn học, thi pháp một số thể loại, quan niệm về con người, quan niệm về thế giới và một số phương thức nghệ thuật. Hiện tượng song ngữ trong văn học biểu hiện ở nhiều phương diện. Mức độ đậm nhạt của song ngữ cũng biểu hiện khác nhau ở từng thể loại (chẳng hạn văn chính luận sẽ ít chịu ảnh hưởng từ ngôn ngữ Việt hơn thơ Đường luật). Dựa vào thi pháp học để thấy được đặc điểm riêng của từng thể loại là một việc làm cần thiết khi nghiên cứu về hiện tượng song ngữ trong văn học.

4.5. Phương pháp loại hình

Loại hình (tiếng Anh: typological có tự gốc là type, tiếng Pháp typé) là khái niệm chỉ tập hợp những sự vật hiện tượng có chung những đặc trưng cơ bản nào đó. Nghiên cứu theo phương pháp loại hình không đơn giản liệt kê, miêu tả sự tương đồng, giống nhau bề ngoài của các hiện tượng văn học. Điều

quan trọng hơn nhiều là phải tìm ra được tính quy luật của sự tương đồng, giống nhau ấy. Phương pháp này được vận dụng trong việc nghiên cứu loại hình tác giả song ngữ và loại hình các thể loại nhìn từ hiện tượng song ngữ.

5. Đóng góp mới của luận án

- Chỉ ra những tiền đề lịch sử, xã hội, văn hóa tư tưởng, văn học của hiện tượng song ngữ trong văn học trung đại Việt Nam;

- Khái quát đặc điểm và quá trình phát triển của hiện tượng song ngữ;

- Nghiên cứu vấn đề loại hình tác giả song ngữ trong văn học trung đại Việt Nam;

- Khái quát quá trình phát triển và biểu hiện của hiện tượng song ngữ trên phương diện thể loại và ngôn ngữ;

6. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần *Mở đầu*, *Kết luận*, *Tài liệu tham khảo* và phần *Phụ lục*, luận án gồm bốn chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý thuyết của đề tài

Chương 2: Những vấn đề chung về hiện tượng song ngữ trong văn học trung đại Việt Nam

Chương 3: Loại hình tác giả song ngữ trong văn học trung đại Việt Nam

Chương 4: Một số vấn đề về thể loại và ngôn ngữ dưới góc nhìn của hiện tượng song ngữ trong văn học trung đại Việt Nam

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA ĐỀ TÀI

1.1. GIỚI THUYẾT KHÁI NIỆM HIỆN TƯỢNG SONG NGỮ

1.1.1. Khái niệm song ngữ

Song ngữ (bilingual) là hiện tượng xã hội khá phổ biến nhất là ở thời trung đại. Khái niệm này được đề cập đến trong khá nhiều tài liệu, chúng tôi xin đưa ra cách định nghĩa của các nhà ngôn ngữ học tiêu biểu ở một số tài liệu thông dụng trong Ngôn ngữ học.

Diệp Quang Ban định nghĩa về hiện tượng song ngữ như sau: “Song ngữ (bilingualism): Trong xã hội học, hiện tượng sử dụng hai (hay hơn hai) ngôn ngữ ở một cá nhân hay ở một cộng đồng ngôn ngữ, có khi cũng gọi là đa ngữ (multilingualism)” [13, tr.437].

Nguyễn Như Ý định nghĩa trong “Đại từ điển tiếng Việt” về song ngữ “(Hiện tượng, trạng thái) được sử dụng ngang nhau hai ngôn ngữ trong giao tiếp” [162, tr.1451]. Trong “Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học”, cũng khái niệm này, tác giả định nghĩa là: “Sự tinh thông hoàn hảo như nhau hai ngôn ngữ, sự nắm vững hai ngôn ngữ được sử dụng trong những điều kiện giao tiếp khác nhau, như ngôn ngữ mẹ đẻ và ngôn ngữ văn học” [161, tr. 248]. Tác giả cũng dẫn ra trong cuốn từ điển hai cách định nghĩa khác. Cách thứ nhất, theo Phan Ngọc, hiện tượng song ngữ có được khi “một người mà tiếng mẹ đẻ là A, nhờ biết ít nhiều một ngôn ngữ B nên có thể trao đổi với một tộc người khác chỉ nói ngôn ngữ B. Nhờ biết được hai ngôn ngữ như vậy cho nên anh ta được gọi là một người song ngữ và sự giao tiếp của anh ta là sự giao tiếp song ngữ” [115, tr.249]. Theo Nguyễn Văn Khang, “song ngữ (bilinguisme) là hiện tượng một người hay một nhóm người nắm và sử dụng được hai hệ thống ngôn ngữ độc lập trong các mục đích giao tiếp nhất định” [84, tr. 249].

Trong *Từ điển Tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên, song ngữ là “hiện tượng sử dụng ngang nhau hai ngôn ngữ trong giao tiếp” [122, tr. 848].

Hoàng Quốc trong luận án tiến sĩ về Ngôn ngữ học cho rằng: “Khái niệm song ngữ, theo cách hiểu chung nhất, đó là hiện tượng một người có thể biết và sử dụng hai hoặc trên hai ngôn ngữ trong quá trình giao tiếp” [126, tr.16].

Trên đây là những định nghĩa về hiện tượng song ngữ ở cấp độ khái

quát nhất, hay còn gọi là hiện tượng song ngữ xã hội. Nhưng hiện nay song ngữ không chỉ là một hiện tượng xã hội, mà còn là một hiện tượng tâm lí, bởi tâm lí có tác động đến sự hình thành hệ thống ngôn ngữ khác nhau ở mỗi cá nhân. Trong lĩnh vực ngôn ngữ, hiện tượng này đã được nghiên cứu ở nhiều khía cạnh như ngôn ngữ học lịch sử, xã hội – ngôn ngữ học, tâm lí ngôn ngữ học, thần kinh – ngôn ngữ học, sư phạm – ngôn ngữ học. Song ngữ trong văn học là một thành phần của xã hội – ngôn ngữ học – lĩnh vực nghiên cứu sự tác động của hiện tượng song ngữ đến văn hóa – xã hội và việc bảo tồn bản sắc dân tộc. Việc cung cấp các định nghĩa ở cấp độ chung như trên sẽ mang đến cái nhìn rộng trước khi đi vào một khái niệm hẹp hơn. Chúng tôi đang muốn nói đến ở đây là khái niệm hiện tượng song ngữ trong văn học, cụ thể hơn nữa, trong văn học trung đại Việt Nam.

1.1.2. Hiện tượng song ngữ trong văn học

Trước hết phải khẳng định rằng, hiện tượng song ngữ tuy không còn xa lạ với giới nghiên cứu văn học nhưng không có nhiều người đưa ra một định nghĩa cụ thể về khái niệm này. Theo khảo sát của chúng tôi, hiện nay có thể hiểu “hiện tượng song ngữ” ở cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp.

Theo nghĩa hẹp, “hiện tượng song ngữ” là hiện tượng trong một nền văn học tồn tại hai (hoặc nhiều) thành phần được viết bằng những văn tự khác nhau. Theo cách định nghĩa này, các tác giả đã chú trọng vào văn tự - yếu tố quan trọng nhất tạo nên hiện tượng song ngữ văn học. Tuy nhiên văn tự chỉ là một thành phần của ngôn ngữ nên khi nghiên cứu, chúng tôi đặt ra yêu cầu cần đi sâu hơn vào nội hàm khái niệm này.

Theo nghĩa rộng, Trần Đình Sử cho rằng tính chất song ngữ không chỉ thể hiện ở hai thành phần văn học Hán và Nôm tách biệt mà còn là “sự xâm nhập, pha trộn của văn Hán và Nôm” [135, tr.135]. Nghĩa là, ngay cả trong một tác phẩm cụ thể được viết bằng chữ Hán hoặc Nôm cũng đã tồn tại hiện tượng song ngữ.

Hiện tượng song ngữ cũng có thể hiểu là hiện tượng song trùng ngôn ngữ, văn tự.

Tựu trung lại, chúng tôi cho rằng hiện tượng song ngữ trong văn học, với đúng tính chất là sự tồn tại song hành của hai loại ngôn ngữ, được hiểu là hiện tượng văn học sử dụng hai loại văn tự và có sự kết hợp các yếu tố thuộc về văn hóa, văn học, ngôn ngữ nảy sinh trong quá trình tiếp xúc ngôn

ngữ giữa hai quốc gia. Trong thời kì trung đại, sự tiếp xúc tiếng Hán và tiếng Việt tạo nên hiện tượng song ngữ trong văn học với hai văn tự tương ứng là chữ Hán và chữ Nôm. Chúng tôi không đồng nhất “song ngữ” và “đa ngữ” như một số cách hiểu ở trên, bởi dựa vào cách hiểu đó sẽ khó phân biệt “hiện tượng song ngữ” trong văn học trung đại với tiếng Hán, tiếng Việt và “hiện tượng đa ngữ” trong văn học hiện đại (nửa cuối thế kỉ XIX đầu thế kỷ XX) với sự giao thoa của ba loại ngôn ngữ: tiếng Hán, tiếng Việt và tiếng Pháp.

Như vậy, có thể hiểu hiện tượng song ngữ trong văn học là hiện tượng một nền văn học đồng thời được sáng tác bằng hai ngôn ngữ - ngôn ngữ bản địa và ngôn ngữ tiếp thu từ nước ngoài, từ tộc người khác. Với văn học trung đại Việt Nam, hiện tượng song ngữ thể hiện ở nền văn học cùng một lúc được sáng tác bằng cả chữ Hán và chữ Nôm.

1.2. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN TỚI ĐỀ TÀI

Hiện tượng song ngữ trong văn học trung đại Việt Nam đã từng được nói đến trong một số công trình nghiên cứu. Tuy nhiên, chưa có một công trình nào nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề này. Có thể thấy một vài hướng nghiên cứu sau đề cập tới hiện tượng song ngữ liên quan tới đề tài:

1.2.1. Nghiên cứu đặc điểm văn học trung đại Việt Nam đề cập tới hiện tượng song ngữ

Các nhà nghiên cứu văn học Việt Nam nói chung và văn học Việt Nam trung đại nói riêng đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về đặc điểm của văn học trung đại Việt Nam. Các công trình dù ít dù nhiều, dù trực tiếp hay gián tiếp cũng đã đặt ra vấn đề về hiện tượng song ngữ trong văn học trung đại Việt Nam. Dưới đây, chúng tôi xin điểm qua những công trình đáng chú ý có đề cập tới hiện tượng song ngữ.

1. Dương Quảng Hàm trong cuốn *Việt Nam văn học sử yếu* khi nhận xét về thành phần văn học viết bằng chữ Hán nhận định: “Phần phong phú nhất trong Hán văn là tản văn, biên văn và thứ nhất là vận văn (thơ, phú). Trong các thơ văn ấy, những bài hay không phải là hiếm, nhưng thường hay về từ chương mà kém phần tư tưởng” [63, tr. 451]. Ngược lại, khi bàn về văn học viết bằng chữ Nôm, ông nhận xét, “về Việt văn (văn học sáng tác bằng tiếng Việt – chữ Nôm) tuy về phương diện văn chương không được xuất sắc

nhưng lại tả rõ tính tình phong tục người dân nước ta mà lời văn chất phác, giản dị, dùng nhiều tục ngữ thành ngữ, nên đã được phổ cập trong dân gian và có ảnh hưởng đến dân chúng” [63, tr. 451]. Như vậy, dù không trực tiếp chỉ ra hiện tượng song ngữ, nhưng Dương Quang Hàm đã khẳng định rằng có một thành phần văn học viết bằng chữ Nôm tồn tại song song bên cạnh dòng văn học viết bằng chữ Hán trong văn học trung đại Việt Nam.

2. Kiều Thanh Quế trong cuốn *Cuộc tiến hóa văn học Việt Nam ở Thiên thứ hai Chữ Nôm* cho rằng: “một thứ văn chương chẳng có tính cách phổ thông như văn chương chữ Hán lại độc thịnh, thì văn học nước nhà làm thế nào phát triển được?” [125, tr. 332]. Tiếp đó, tác giả dẫn truyện “*đến đời Trần, Trần Thủ Độ, nghĩ rằng* “Nước Đại Việt ta, nếu muốn được lâu dài độc lập, tất không những thoát ly ách đô hộ vật chất của người tầu mà còn cần phải bỏ cùm xích cái ách đô hộ tinh thần của họ nữa”. Ý kiến này, trước nhất được Hàn Thuyên đem ra thi hành bằng cách dùng chữ Nôm làm thơ văn” [125, tr.333].

3. Đinh Gia Khánh trong bài viết “*Mười thế kỉ của tiến trình văn học viết*” mở đầu cuốn *Văn học Việt Nam (thế kỉ X – Nửa đầu thế kỉ XVIII)* (Nxb Giáo dục, tái bản năm 2002), xuất bản lần đầu tiên năm 1978 do NXB Đại học và trung học chuyên nghiệp ấn hành, cho rằng: “văn học chữ Hán và văn học chữ Nôm có nhiều phần giống nhau trong nội dung phản ánh hiện thực và có những điểm giống nhau trong cách phản ánh hiện thực” [85, tr.18]. Nhà nghiên cứu cũng khẳng định hai thành phần này có nhiều chỗ khác nhau, đặc biệt là “so với văn học chữ Hán thì văn học chữ Nôm có thể phản ánh hiện thực cuộc sống bình thường của nhân dân một cách linh hoạt và cụ thể hơn, có thể xây dựng những hình tượng văn học đậm màu sắc dân tộc hơn và do đó dễ thấm sâu hơn vào cảm quan của công chúng” [85, tr.18]. Như vậy, với luận điểm này, Đinh Gia Khánh cũng đã chỉ ra hai thành phần văn học song song tồn tại trong văn học trung đại Việt Nam tức là hiện tượng song ngữ.

4. Bài viết của Bùi Duy Tân trên Tạp chí *Văn học* số 2/1995 với nhan đề “*Văn học chữ Hán trong mối tương quan với văn học chữ Nôm ở Việt Nam*” tạo sự chú ý đối với người đọc. Mặc dù không nhắc đến khái niệm “song ngữ” nhưng tác giả đã đưa ra một cái nhìn tổng quan về “*vấn đề khoa học lớn, quan trọng và thú vị này*”. Bên cạnh việc nêu lên những đặc điểm chính của văn học chữ Hán và chữ Nôm trong văn học trung đại Việt Nam, Bùi Duy Tân không

quên nhấn mạnh đến mối quan hệ giữa hai thành phần và đặt chúng trong tương quan so sánh: “Đều ít hoặc nhiều chịu ảnh hưởng của ý thức hệ phong kiến, và đều tiếp nhận được từ nhân dân, từ văn hóa dân gian những tư tưởng nghệ thuật tiên bộ, lành mạnh” [135, tr.14]. Tác giả đã nêu lên những tương đồng giữa hai thành phần văn học chữ Hán và văn học chữ Nôm: “Giữa hai thành phần của dòng văn học viết đã có sự thống nhất trên những yếu tố căn bản về thể giới quan, về quan niệm thẩm mỹ, quan niệm về phương pháp sáng tác, cấu trúc thi pháp,... và cả thể loại văn học” [135, tr.14-15]. Nhà nghiên cứu cũng đưa ra cái nhìn tổng quan về những điểm khác nhau của hai thành phần này. Theo đó, ngoài sự khác biệt về văn tự, văn học chữ Hán có những tính chất: giáo huấn và phi ngã, tính bác học cao quý, tính chất quy phạm. Văn học chữ Nôm ít gắn với “chở đạo”, gần với đời sống thực, phong phú về tinh thần yêu nước và tinh thần nhân ái. “Yếu tố trội của văn học Nôm là chủ nghĩa nhân đạo, còn ở văn học chữ Hán thì yếu tố trội là chủ nghĩa yêu nước” [135, tr.15]. Dù ông không có những luận giải cụ thể nhưng đó cũng là những gợi ý quý báu để người viết triển khai đề tài của mình.

5. Lê Trí Viễn trong *Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam*, nhận định “từ thế kỷ X – XV là thời kỳ văn học trung đại thượng kỳ, còn từ thế kỷ XVI – XIX là văn học trung đại hạ kỳ” [156, tr.38-39].

6. Theo Trần Đình Sử, “cách chia này làm mờ cái mốc thế kỷ XVIII, thời điểm đổi thay quan niệm con người trong văn học và là thời điểm chín muồi toàn thịnh của các thể loại văn học Nôm” [132, tr. 55].

Trần Đình Sử trong cuốn *Thi pháp văn học trung đại Việt Nam* lại khẳng định, “Nội dung văn học giai đoạn X – XIV là sự hình thành khá hoàn bị các thể loại văn thơ chữ Hán. Và giai đoạn từ thế kỷ XV – đánh dấu sự hình thành và phát triển các thể loại văn học Nôm” [132, tr. 55]. Theo ông thì “tiếng Hán làm công cụ chính trị, tư tưởng, bên cạnh tiếng Việt – tiếng mẹ đẻ vẫn được sử dụng trong đời sống hàng ngày. Tình hình đó tạo thành hiện tượng song ngữ, văn học song ngữ của thời trung đại Việt Nam, như của nhiều dân tộc khác” [132, tr. 153]. Đây là một nhận định rất đáng lưu ý khi Trần Đình Sử ngoài việc khẳng định sự tồn tại hiện tượng song ngữ trong văn học trung đại Việt Nam còn liên hệ với hiện tượng này trong văn học trung đại của các dân tộc khác tức là tính khu vực và tính quốc tế của hiện tượng song ngữ. Cũng theo Trần Đình Sử thì Phạm Đình Toái đồng tác giả với Lê

Ngô Cát, sáng tạo ra *Đại Nam quốc sử diễn ca* đã nói một ý kiến quan trọng: “Nước ta ở chệch về phương Nam, tiếng nói khác với Trung Quốc, học sinh, nho giả, dù học tập văn từ của Trung Hoa, mà vẫn nói năng, ca vịnh không rời với tiếng nói của nước mình, đâu lại có thể cứ cho chữ Hán là thanh tao mà trở lại chê quốc âm mình là thô鄙 đượ” (dẫn theo Trần Đình Sử) [132, tr. 159].

Trần Đình Sử trong cuốn *Thi pháp văn học trung đại Việt Nam* cũng chỉ ra những đặc điểm của văn học trung đại Việt Nam với hai thành phần văn học. Một thành phần văn học viết bằng chữ Hán – một ngôn ngữ vay mượn của nước ngoài và thành phần sáng tác bằng tiếng bản địa – tiếng Việt. Ông viết: “Hai thứ tiếng và hai thành phần văn học đáp ứng hai nhu cầu của đời sống xã hội: Khi bàn đến chính sự, lý tưởng, lịch sử, luân lý, thơ phú người ta biểu đạt bằng chữ Hán; khi biểu đạt những cảm xúc hàng ngày, các hiện tượng đời sống, người ta dùng tiếng Nôm, chữ Nôm” [132, tr. 154]. Ông nhận xét: “tiếng Hán được tiếp thu chủ yếu qua thư tịch, kinh sử, văn chương cũng không đủ để diễn đạt các trạng thái đời sống hàng ngày. Do đó việc phát triển tiếng Việt, chữ Nôm, văn học Nôm là một điều tất yếu [132, tr. 154]. Trần Đình Sử lí giải rằng: “Đó là lí do khiến cho hai thành phần văn học tồn tại song song, không thành phần nào thôn tính được thành phần nào, mặt khác chúng lại thâm nhập vào nhau. Tất nhiên, chủ yếu là văn học Nôm tiếp thu tiếng Hán, Việt hóa nó để làm phong phú bản thân mình” [132, tr. 154]. Từ đó, ông khẳng định: “Tính chất song ngữ không chỉ thể hiện ở hai dòng văn học Hán và Nôm tách biệt, mà còn thể hiện ở sự xâm nhập pha trộn của văn Hán và Nôm. Có tác phẩm lời văn vừa Hán vừa Nôm. Có tác phẩm Nôm xen câu đối Hán, có tác phẩm nhan đề là Hán mà tác phẩm lại là Nôm” [132, tr. 156]. Chúng tôi nhận thấy ý kiến của Trần Đình Sử đã đề cập tới tính chất bất bình đẳng của hiện tượng song ngữ trong văn học trung đại Việt Nam.

7. Trần Đình Hượu cho rằng, “Bên cạnh xu hướng đuổi kịp để có mặt bình đẳng về văn hiến trong văn chương chữ Hán, là một xu hướng phát triển chậm hơn; làm văn chương quốc âm. Sử đã chép Hàn Thuyên, Nguyễn Sĩ Cố giỏi làm thơ quốc âm” [83, tr.292]. Ở đây, Trần Đình Hượu cũng đã gián tiếp khẳng định sự tồn tại song song hai thành phần văn học chữ Hán và văn học viết bằng chữ Nôm. Trong đó, văn học chữ Hán đi trước và phát triển nhanh hơn, còn văn học viết bằng ngôn ngữ dân tộc phát triển chậm hơn. Ông cũng khẳng định lại việc Hàn Thuyên và Nguyễn Sĩ Cố giỏi làm thơ Nôm đã được sử chép lại.